

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026

Kính gửi: Phòng Văn hóa - Xã hội phường Tây Hoa Lư

-Thực hiện Công văn số 1921/SGDDĐT-CTHSSV ngày 01/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2025-2026;

- Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 28/8/2025 của UBND phường Tây Hoa Lư về Chuyển đổi số phường Tây Hoa Lư năm 2025, định hướng năm 2026;

- Căn cứ tình hình triển khai thực tế và Kế hoạch số 236/KH-THCSTY ngày 30/9/2025 của đơn vị, Trường THCS Trường Yên trân trọng báo cáo kết quả thực hiện với các nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đơn vị báo cáo: Trường THCS Trường Yên, phường Tây Hoa Lư.

2. Cán bộ đầu mối phụ trách: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

3. Quy mô nhân sự và học sinh: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV) hiện có là 31 người. Trong đó, Ban giám hiệu: 02 đồng chí (chuyển 01 đ/c Hiệu trưởng Trần Quyết Thắng về THCS Ninh Giang tháng 3/2026); Giáo viên giảng dạy: 28 đồng chí (bao gồm 02 giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111). Tổng số học sinh toàn trường là 643 em, biên chế tại 15 lớp học.

4. Hạ tầng thiết bị, công nghệ: Nhà trường sở hữu tổng cộng 41 phòng, bao gồm 15 phòng học văn hóa, 09 phòng học bộ môn, 07 phòng thuộc khu hiệu bộ - hành chính và 11 phòng chức năng. Toàn bộ các phòng học, phòng chuyên môn và khu quản trị được trang bị hệ thống Internet cáp quang băng thông rộng, phủ sóng Wifi ổn định. Trường có 01 phòng máy tính chuyên dụng phục vụ bộ môn Tin học và tổ chức khảo sát trực tuyến.

II. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thể chế số

Nhà trường đã chủ động thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, Phó Hiệu trưởng làm Phó ban thường trực, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Đơn vị đã ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin và Quy chế sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong công tác dạy, học và kiểm tra, đánh giá

2.1. Phát triển kho học liệu số: Trong năm học, đội ngũ giáo viên đã tích cực xây dựng và đóng góp 45 học liệu số dùng chung (bao gồm bài giảng điện tử tương tác e-Learning, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi ôn tập). Toàn bộ học liệu đều được tổ chuyên môn thẩm định chất lượng và Hiệu trưởng phê duyệt trước khi đăng tải lên hệ thống trực tuyến.

2.2. Vận hành nền tảng quản lý học tập (LMS): Nhà trường khai thác đồng bộ các nền tảng số nội địa chất lượng (K12Online, Google Classroom), giúp giáo viên giao bài tập tự học, tương tác hỗ trợ và giải đáp thắc mắc của học sinh mọi lúc mọi nơi.

2.3. Kiểm tra đánh giá trên máy tính: Tổ chức thành công các bài kiểm tra định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ) trực tuyến trên hệ thống phòng máy tính đối với các bộ môn Tin học, Tiếng Anh và Toán học cho các khối lớp có điều kiện. Phần mềm tổ chức thi đảm bảo tính khách quan, tự động kết nối và đồng bộ điểm số trực tiếp sang hệ thống quản trị chung của trường.

3. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu ngành

3.1. Hồ sơ số và định danh ngành: Đạt tỷ lệ 100% học sinh (643/643) và cán bộ nhà giáo (31/31) được cấp mã định danh duy nhất và quản lý bằng hồ sơ số trên CSDL ngành. Đồng thời, 80% danh mục cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được chuẩn hóa thông tin và quản lý đồng bộ bằng mã số định danh tài sản trực tuyến.

3.2. Triển khai học bạ số, hồ sơ chuyên môn điện tử: Thực hiện áp dụng toàn diện 100% học bạ số thay thế hoàn toàn học bạ giấy từ khối 6 đến khối 9. Ban giám hiệu và 100% giáo viên được cấp và sử dụng thường xuyên chứng thư chữ ký số cá nhân để phê duyệt học bạ, ký sổ điểm điện tử ngay trên hệ phần mềm quản trị nhà trường.

3.3. Dịch vụ công và thanh toán trực tuyến: Thực hiện số hóa toàn bộ quy trình tiếp nhận, xét tuyển học sinh đầu cấp qua phần mềm tuyển sinh trực tuyến của Sở GDĐT. Kết nối thành công phần mềm học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, nâng tỷ lệ phụ huynh đóng học phí không dùng tiền mặt đạt 92% tổng số giao dịch phát sinh.

3.4.Thống kê giáo dục (EMIS): Hoàn thành cập nhật chính xác dữ liệu ngành theo từng kỳ học và thực hiện báo cáo thống kê định kỳ đúng thời hạn lên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn.

4. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu

Nhà trường nghiêm túc triển khai giải pháp phòng chống mã độc, vi rút quản lý tập trung trên toàn bộ hệ thống máy tính văn phòng. Quy định rõ trách nhiệm cá nhân về bảo mật tài khoản truy cập hệ thống quản lý, tuyệt đối không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cao nhằm bảo vệ tuyệt đối an toàn dữ liệu cá nhân của học sinh và nhà giáo.

5. Tập huấn nâng cao năng lực số

Đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng số trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến của ngành. Đặc biệt trong năm học, trường đã tổ chức 02 lớp tập huấn chuyên sâu tại đơn vị về kỹ năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản nhằm giúp giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy và tối ưu hóa việc biên soạn ngân hàng câu hỏi thi.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHI TIẾT

ST T	Nội dung nhiệm vụ / Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá	-	-	-
1.1	CSGD khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) phục vụ theo dõi, phân tích quá trình tự học	Có/Không	Có	Vận hành hiệu quả K12Online, Google Classroom, Vnpt edu, Smas, Gemini, ChatGPT, các phần mềm hỗ trợ khác
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh) triển khai	Mô hình	03	Triển khai tại phòng máy Tin học và phòng học bộ môn, phòng đa chức năng
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	100%	28/28 giáo viên tham gia tập huấn
1.4	Tỷ lệ học sinh thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	55%	Áp dụng đối với các môn học có điều kiện hạ tầng

1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới	SL	80	Được phê duyệt đưa vào kho học liệu dùng chung của trường
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu ngành	-	-	-
2.1	Phần mềm quản trị kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	Liên thông trực tiếp dữ liệu đồng bộ đồng nhất
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh, quản lý bằng hồ sơ số	%	100%	Hoàn thành đồng bộ mã số định danh cá nhân
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số	%	80%	Số hóa toàn bộ các tài sản và trang thiết bị lớn
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	Hoàn thành	100% học bạ các khối lớp được ký số chuyên dùng
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt	-	-	-
3.1	Triển khai dịch vụ trực tuyến đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	Có/Không	Có	Thực hiện quy trình xét tuyển trực tuyến toàn trình
3.2	Tỷ lệ thực hiện thu phí học phí không dùng tiền mặt	%	92%	Vượt chỉ tiêu định hướng chung (80%)
3.3	Kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán Cổng DVC	Có/Không	Có	Biên lai điện tử xuất tự động sau khi giao dịch thành công
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin	-	-	-
4.1	Đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng phủ các phòng học	Có/Không	Có	Cáp quang tốc độ cao phục vụ toàn bộ các phòng
4.2	Triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số	%	100%	Cài đặt tường lửa và bộ lọc nội dung tại phòng máy
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn thông tin mạng	Cuộc	02	Định kỳ tổ chức kiểm tra rà soát lỗ hổng bảo mật

4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	Xuất sắc	Phối hợp với phường hỗ trợ phụ huynh đồng bộ mã hóa dịch vụ công
-----	---	-------	----------	--

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm nổi bật và mô hình tiêu biểu

- Vận hành xuất sắc mô hình liên thông "Bình dân học vụ số". Đội ngũ thầy cô chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với Tổ công nghệ số cộng đồng phường Tây Hoa Lư trực tiếp hướng dẫn, phổ cập và giúp hơn 90% phụ huynh học sinh làm quen với việc đóng học phí trực tuyến, tra cứu học bạ số của con qua thiết bị di động một cách nhanh chóng, chính xác.

- Nhà trường hoàn thành tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học đạt **Mức độ 2 (Mức đáp ứng cơ bản)** theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT, hướng sát tới các tiêu chí nâng cao của Mức độ 3.

2. Tồn tại, khó khăn và nguyên nhân

- Do điều kiện cơ sở vật chất nhà trường gồm nhiều dãy nhà xây dựng đan xen qua các thời kỳ khác nhau, mặc dù liên tục được cải tạo nhưng hệ thống máy tính tại phòng thực hành Tin học hiện tại cấu hình đã cũ. Một số thiết bị nghe nhìn trình chiếu tại các phòng học văn hóa cũ bắt đầu xuống cấp, làm hạn chế một phần hiệu quả ứng dụng các công nghệ đồ họa hay phần mềm dạy học tích hợp AI tiên tiến. (nền phòng tin mặc dù mới đưa vào sử dụng nhưng nền nhà bong rộp lớn hiện tại không thể sử dụng được vì không an toàn)

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị Phòng Văn hóa - Xã hội báo cáo UBND phường Tây Hoa Lư xem xét, ưu tiên bố trí một phần nguồn lực ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn tới để hỗ trợ nhà trường nâng cấp trang thiết bị phòng máy tính thực hành và thay mới các thiết bị trình chiếu hồng học tại các phòng học cũ, tạo điều kiện cho nhà trường phấn đấu đạt chuẩn Chuyển đổi số Mức độ 3 trong năm học 2026-2027.

+ Tạo kinh phí cho nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường truyền và sửa nền phòng tin học (đã báo cáo nhiều lần nhưng hiện chưa sửa được)

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC TIẾP THEO

- Duy trì và nâng cao hiệu quả khai thác 100% hồ sơ số, học bạ điện tử kết hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ cho toàn thể cán bộ, giáo viên.

-Tập trung đẩy mạnh truyền thông và nâng cấp dịch vụ để phấn đấu đạt tỷ lệ **100%** các khoản thu không dùng tiền mặt trong toàn trường.

- Tăng cường tổ chức các đợt sinh hoạt chuyên môn chuyên đề về ứng dụng AI an toàn trong giáo dục, nâng cao năng lực tự xây dựng học liệu số chất lượng cao cho giáo viên và tư duy lập trình cơ bản cho học sinh.

Trường THCS Trường Yên trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND phường (để b/c);
- LĐ nhà trường (để chỉ đạo);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ CDS.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Toàn